

OVERVIEW OF RESEARCH ON THE IMPACT OF SOCIAL NETWORKS ON EDUCATION AND MANAGEMENT OF MORAL AND LIFESTYLE EDUCATION FOR HIGH SCHOOL STUDENTS

Nguyen Thi Thanh Huyen^{*1}, Vu Thi Thuy²,
Nguyen Thi Ut Sau³, Lai Thi Thuy An⁴

Corresponding author
Email: huyenntt.psy@tnue.edu.vn

² Email: thuyvt.chir@tnue.edu.vn

³ Email: sauntu@tnue.edu.vn

^{1,2,3} Thai Nguyen University of Education
20 Luong Ngoc Quyen street, Phan Dinh Phung ward,
Thai Nguyen province, Vietnam

⁴ Email: ltt.an@royal.edu.vn

Hoang Gia School
No. 08 Dang Dai Do street, Tan Hung ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 25/7/2025

Revised: 08/8/2025

Accepted: 10/9/2025

Published: 15/12/2025

Abstract: This study aims to provide an overview of both domestic and international research on the impact of social media on education and the management of moral and lifestyle education for secondary school students. In the context of the Fourth Industrial Revolution and the widespread use of digital technologies, social media has become an inseparable part of students' lives, offering opportunities for development while also posing significant risks. Using a synthesis and document analysis approach with data collected from Google Scholar and Scopus, the study systematized 25 sources and employed keyword co-occurrence analysis to identify major research trends and themes. The findings reveal that social media has positive effects, such as supporting learning, enhancing digital skills, fostering digital citizenship, creating spaces for moral and values-based education, and strengthening the connection among family, school, and society. However, alongside these benefits are a series of negative consequences, including increased cyberbullying, declining academic performance, moral degradation, adverse impacts on mental health, and the risk of technology dependence. Based on these results, the study asserts that social media is a double-edged environment, serving as both an opportunity and a challenge for moral and lifestyle education in schools.

Keywords: *Social media, moral education, lifestyle education, secondary school students, digital skills, educational management.*

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐẾN GIÁO DỤC VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

Nguyễn Thị Thanh Huyền^{*1}, Vũ Thị Thủy²,
Nguyễn Thị Út Sáu³, Lai Thị Thùy An⁴

Tác giả liên hệ
Email: huyenntt.psy@tnue.edu.vn

² Email: thuyvt.chir@tnue.edu.vn

³ Email: sauntu@tnue.edu.vn

^{1,2,3} Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
20 Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

⁴ Email: ltt.an@royal.edu.vn

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và
Trung học phổ thông Hoàng Gia,
Số 08 Đặng Đại Độ, phường Tân Hưng,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận bài: 25/7/2025

Chỉnh sửa xong: 08/8/2025

Chấp nhận đăng: 10/9/2025

Xuất bản: 15/12/2025

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm tổng quan các công trình khoa học trong và ngoài nước về tác động của mạng xã hội đối với giáo dục và quản lý giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và sự phổ biến của công nghệ số, mạng xã hội đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống học sinh, vừa mang đến những cơ hội phát triển vừa tiềm ẩn nhiều nguy cơ đáng lo ngại. Bằng phương pháp tổng hợp, phân tích tài liệu từ Google Scholar và Scopus, nghiên cứu đã hệ thống hóa 25 nguồn tài liệu tiêu biểu, đồng thời sử dụng kỹ thuật phân tích đồng xuất hiện từ khóa để nhận diện các xu hướng và chủ đề nghiên cứu chính. Kết quả cho thấy, mạng xã hội có những tác động tích cực như hỗ trợ học tập, phát triển kỹ năng số, hình thành năng lực công dân số, tạo không gian giáo dục giá trị và đạo đức, cũng như tăng cường sự kết nối giữa gia đình - nhà trường - xã hội. Tuy nhiên, song song với đó là hàng loạt hệ lụy tiêu cực bao gồm gia tăng bạo lực mạng, suy giảm kết quả học tập, tha hóa đạo đức, ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần và nguy cơ lệ thuộc vào công nghệ. Từ những kết quả này, nghiên cứu khẳng định rằng mạng xã hội là môi trường hai mặt, vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với công tác giáo dục đạo đức và lối sống cho học sinh phổ thông.

Từ khóa: *Mạng xã hội, giáo dục đạo đức, giáo dục lối sống, học sinh phổ thông, kỹ năng số, quản lý giáo dục.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, mạng xã hội đã trở thành một phần tất yếu trong đời sống học sinh phổ thông, vừa mở ra cơ hội học tập, hợp tác và phát triển kỹ năng số, vừa đặt ra nhiều thách thức đối với quản lý giáo dục đạo đức, lối sống. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, mạng xã hội giúp học sinh mở rộng tri thức, phát triển năng lực tự học, tăng cường khả năng giao tiếp, hợp tác nhóm trực tuyến và rèn luyện kỹ năng số trong môi trường học tập hiện đại (Astatke, Weng & Chen, 2023; Yang và cộng sự, 2021; Liu, Shadieff & Cao, 2025; Vemula, Lalbiakfeli & Riba, 2022; Vanderhoven, Schellens & Valcke, 2014). Đồng thời, đây cũng là môi trường để giáo dục công dân số, hình thành ý thức trách nhiệm, đạo đức trực tuyến và nuôi dưỡng nhân cách trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 (Oanh, 2025; Yinka, Olumide & Olatunde, 2024; Fitriani, Imam & Supriadi, 2024). Tuy nhiên, nhiều công trình đã cảnh báo những hệ quả tiêu cực như hành vi lệch chuẩn, suy thoái giá trị đạo đức, bạo lực mạng, lối sống ảo và ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tâm thần, làm suy giảm chất lượng học tập và sự phát triển nhân cách của học sinh (Nguyễn Ngọc Phú, 2023; Ojiakor-Umenze và cộng sự, 2024; Gaffney, Farrington, Espelage & Ttofi, 2019; Odgers & Jensen, 2020; Okpe & Jibrin, 2024; Dwistia & Anisak, 2024; Jones và cộng sự, 2023). Thực tiễn tại Việt Nam cũng cho thấy sự phối hợp chưa đồng bộ giữa gia đình - nhà trường - xã hội khiến việc định hướng, quản lý học sinh sử dụng mạng xã hội còn hạn chế, làm giảm hiệu quả giáo dục toàn diện (Nguyễn Thị Ngọc Liên, 2019; Trần Thế Lưu, 2022). Trong bối cảnh đó, nhiều nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của việc thiết kế chính sách quản lý, ban hành quy định sử dụng hợp lý, tích hợp giáo dục công dân số vào chương trình phổ thông và xây dựng cơ chế phối hợp giáo dục hiệu quả (Muls, Chambonnière, Degraeve & De Troyer, 2020; Goodyear và cộng sự, 2024; Wood và cộng sự, 2023). Tuy nhiên, đa số các công trình hiện mới tập trung vào những khía cạnh riêng lẻ như thành tích học tập, hành vi lệch chuẩn hay sức khỏe tâm thần, trong khi các nghiên cứu chuyên sâu, hệ thống và so sánh quốc tế về mối quan hệ giữa mạng xã hội với giáo dục và quản lý giáo dục đạo đức, lối sống học sinh phổ thông còn hạn chế, từ đó đặt ra nhu cầu cấp thiết cho một nghiên cứu tổng quan toàn diện (Serinah & Setiawina, 2019; Astatke và cộng sự, 2023). Trên cơ sở đó, nghiên cứu này hướng tới việc trả lời những câu hỏi sau: 1) Xu hướng công bố khoa

học về tác động của mạng xã hội đến giáo dục và quản lý giáo dục đạo đức, lối sống học sinh phổ thông đã thay đổi như thế nào trong giai đoạn 2010- 2025? 2) Những tác động tích cực và tiêu cực chủ yếu nào được ghi nhận trong các nghiên cứu? 3) Vai trò quản lý của gia đình, nhà trường và chính sách giáo dục được thể hiện ra sao trong việc định hướng, kiểm soát và phát huy mặt tích cực của mạng xã hội? 4) Những giải pháp hay mô hình quản lý - giáo dục nào đã được đề xuất hoặc triển khai để ứng phó với các thách thức mà mạng xã hội đặt ra cho công tác giáo dục đạo đức, lối sống học sinh phổ thông?

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thiết kế theo hướng tổng quan hệ thống (Systematic review) nhằm tổng hợp một cách toàn diện và khoa học các công trình đã được công bố liên quan đến tác động của mạng xã hội đối với giáo dục đạo đức, lối sống và quản lý giáo dục đạo đức, lối sống học sinh phổ thông. Phương pháp tổng quan hệ thống giúp đảm bảo tính khách quan, hạn chế sự thiên lệch trong việc lựa chọn tài liệu, đồng thời cho phép so sánh, phân tích và khái quát hóa các kết quả nghiên cứu trước đây. Để đạt được điều này, nghiên cứu tuân theo các nguyên tắc của hướng dẫn PRISMA (Preferred Reporting Items for Systematic Reviews and Meta - Analyses), vốn thường được áp dụng trong các bài tổng quan quốc tế nhằm bảo đảm tính minh bạch và chuẩn mực trong toàn bộ quá trình tìm kiếm, sàng lọc và phân tích tài liệu.

2.1. Nguồn dữ liệu

Nguồn dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu bao gồm hai cơ sở dữ liệu học thuật chính là Scopus và Google Scholar. Scopus được lựa chọn bởi đây là một trong những cơ sở dữ liệu lớn trên thế giới, bao phủ hàng nghìn tạp chí học thuật có uy tín, bảo đảm độ tin cậy và chất lượng của tài liệu. Google Scholar cũng được khai thác nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận, đặc biệt là đối với các nghiên cứu mới xuất bản, có phạm vi liên ngành hoặc những công trình chưa được lập chỉ mục trong SCOPUS. Ngoài ra, để phản ánh bối cảnh nghiên cứu trong nước, một số bài báo khoa học được trích dẫn từ các tạp chí chuyên ngành như Tạp chí Tâm lý - Giáo dục, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam... Việc kết hợp các nguồn dữ liệu trong và ngoài nước cho phép nghiên cứu không chỉ kế thừa tri thức quốc tế mà còn đặt trong điều kiện thực tiễn Việt Nam, từ đó nâng cao giá trị ứng dụng của kết quả tổng quan.

2.2. Chiến lược tìm kiếm

Trong chiến lược tìm kiếm, các từ khóa được xây dựng dựa trên mục tiêu nghiên cứu và khung lý thuyết liên quan. Các cụm từ khóa tiếng Anh như “Social media”, “Moral education”, “Values education”, “Character education”, “Lifestyle”, “Secondary school students”, “Educational management”, “Cyberbullying”, “Digital citizenship” được sử dụng kết hợp với nhau bằng các toán tử logic (AND, OR). Ví dụ, để tìm các nghiên cứu về ảnh hưởng của mạng xã hội đến giáo dục đạo đức, từ khóa “Social media AND moral education” được sử dụng; hoặc để khai thác các bài liên quan đến hành vi lệch chuẩn, từ khóa “Cyberbullying AND secondary school students” được triển khai. Song song, các từ khóa tương ứng bằng tiếng Việt như “Mạng xã hội và giáo dục đạo đức”, “Giáo dục lối sống học sinh phổ thông” cũng được đưa vào nhằm khai thác các tài liệu trong bối cảnh quốc gia.

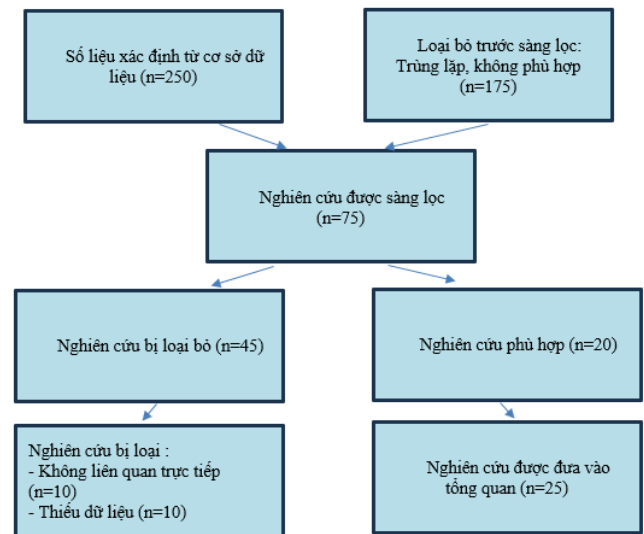
2.3. Tiêu chí lựa chọn

Nghiên cứu chỉ đưa vào các tài liệu thỏa mãn một số điều kiện: 1) Được công bố trong giai đoạn từ 2010 đến 2025 nhằm phản ánh đầy đủ bối cảnh xã hội trong kỉ nguyên số và sự bùng nổ của mạng xã hội; 2) Có nội dung tập trung trực tiếp đến học sinh phổ thông và mối quan hệ giữa mạng xã hội với giáo dục đạo đức, lối sống hoặc quản lý giáo dục; 3) Thuộc loại hình nghiên cứu thực nghiệm, khảo sát định lượng, định tính, hoặc các phân tích chính sách và tổng quan đã được xuất bản trên tạp chí uy tín; 4) Đối với tài liệu trong nước, phải được đăng tải trên các tạp chí khoa học được công nhận, có hội đồng phản biện. Các tài liệu bị loại trừ gồm những công trình chỉ nghiên cứu đối tượng sinh viên đại học hoặc người trưởng thành, không có dữ liệu nghiên cứu thực chứng hoặc chưa được công bố chính thức như báo cáo hội thảo nội bộ, blog, luận văn chưa xuất bản.

2.4. Quy trình sàng lọc

Quy trình sàng lọc tài liệu được tiến hành theo bốn bước cơ bản: 1) Xác định (Identification) - truy xuất kết quả tìm kiếm ban đầu với khoảng hơn 250 bài; 2) Sàng lọc (Screening) - loại bỏ các bài trùng lặp và không liên quan, số lượng giảm còn 75; 3) Đánh giá tính phù hợp (Eligibility) - đọc kỹ tóm tắt và toàn văn để đánh giá nội dung có đáp ứng tiêu chí; 4) Lựa

chọn cuối cùng (Included) - tổng cộng 25 tài liệu có chất lượng và liên quan trực tiếp được đưa vào phân tích. Quy trình này bảo đảm tính hệ thống, loại bỏ thiên lệch trong việc lựa chọn, đồng thời minh họa rõ ràng bằng sơ đồ PRISMA về số lượng bài qua từng giai đoạn.



Hình 1: Sơ đồ PRISMA minh họa luồng thông tin qua các giai đoạn tìm kiếm

2.5. Phương pháp phân tích

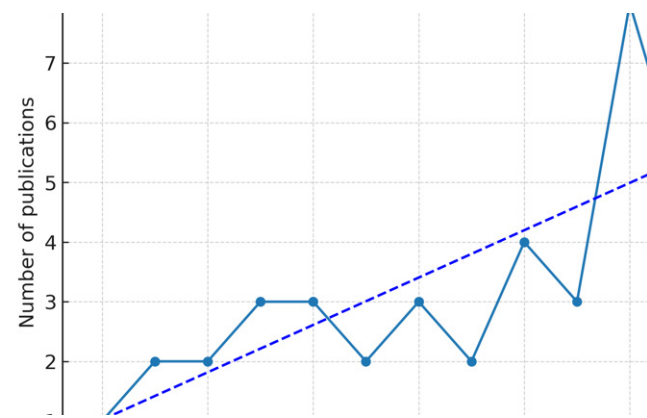
Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nội dung kết hợp với thống kê mô tả, trong đó các bài báo được mã hóa theo bốn nhóm chủ đề: 1) Tác động tích cực của mạng xã hội đối với học sinh, 2) Tác động tiêu cực về đạo đức, lối sống và hành vi lệch chuẩn, 3) Vai trò điều tiết của gia đình, nhà trường và chính sách quản lý, 4) Các chương trình hoặc biện pháp can thiệp, quản lý, giáo dục liên quan. Dữ liệu định tính được tổng hợp để chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt giữa các nghiên cứu trong và ngoài nước, trong khi dữ liệu định lượng được mô tả qua tần suất, xu hướng công bố theo thời gian và phân bố quốc gia. Cách tiếp cận này đảm bảo tính toàn diện, khách quan và minh bạch, đồng thời cho phép khái quát hóa kết quả, làm nổi bật khoảng trống tri thức và tạo nền tảng cho phân tích, thảo luận ở các phần tiếp theo.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Xu hướng công bố theo thời gian

Phân tích 25 tài liệu cho thấy số lượng công bố liên quan đến mạng xã hội và giáo dục đạo đức, lối sống học sinh phổ thông, quản lý giáo dục đạo đức,

lối sống học sinh phổ thông gia tăng rõ rệt từ năm 2014 trở lại đây. Giai đoạn 2010 - 2015 chỉ xuất hiện rải rác một vài nghiên cứu tập trung vào rủi ro trực tuyến và giáo dục an toàn số (Vanderhoven và cộng sự, 2014). Từ 2018 đến nay, các nghiên cứu bùng nổ mạnh mẽ, phản ánh sự phổ biến của mạng xã hội trong đời sống học sinh và mối quan tâm ngày càng tăng đối với giáo dục công dân số, bạo lực mạng cũng như chính sách quản lý trong trường học (Odgers & Jensen, 2020; Wood và cộng sự, 2023).



Hình 2: Số lượng các bài báo công bố theo năm

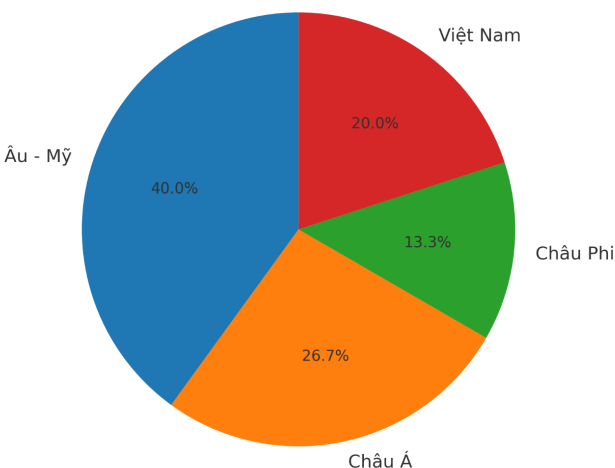
Biểu đồ ở Hình 2 cho thấy số lượng công bố về mạng xã hội và giáo dục đạo đức, lối sống học sinh phổ thông gia tăng rõ rệt từ 2014 đến nay, phản ánh sự gắn bó ngày càng chặt chẽ của mạng xã hội với đời sống học đường. Giai đoạn 2010 - 2015 chỉ có một số ít nghiên cứu tập trung vào rủi ro trực tuyến và an toàn số (Vanderhoven và cộng sự, 2014). Từ 2016 - 2019, số lượng công bố tăng mạnh, chuyển từ cảnh báo nguy cơ sang phân tích cả lợi ích và rủi ro, đồng thời đặt nền móng cho khung lý thuyết và chính sách quản lý giáo dục, với nhiều đề xuất về quy định sử dụng thiết bị và chương trình giáo dục công dân số (Odgers & Jensen, 2020). Giai đoạn 2020 - 2021, tác động của COVID-19 khiến nghiên cứu tập trung nhiều hơn vào học tập trực tuyến, sức khỏe tâm thần và quản lý môi trường số, nhấn mạnh vai trò giám sát của nhà trường và dịch vụ hỗ trợ tâm lý học đường. Từ năm 2022 đến nay, các nghiên cứu tiếp tục tăng trưởng ổn định, xuất hiện nhiều tổng quan hệ thống và so sánh quốc tế, tập trung đề xuất mô hình quản lý tích hợp kết hợp giữa chính sách công, quản trị nhà trường và sự tham gia của cộng đồng (Wood và cộng sự, 2023). Nhìn chung, xu hướng nghiên cứu có thể chia thành ba giai đoạn: Khởi phát (2010 - 2015)

với số lượng ít và tập trung rủi ro, tăng trưởng mạnh (2016- 2019) với sự bùng nổ công bố và hình thành khung chính sách và phát triển ổn định (2020 - 2025) với các nghiên cứu toàn diện, nhấn mạnh quản lý giáo dục như yếu tố then chốt để biến mạng xã hội từ thách thức thành cơ hội.

3.2. Phân bố theo khu vực địa lý

Kết quả phân tích 25 công trình cho thấy sự phân bố nghiên cứu về tác động của mạng xã hội đến giáo dục và quản lý giáo dục đạo đức, lối sống học sinh phổ thông khác biệt rõ rệt giữa các khu vực, phản ánh điều kiện kinh tế - xã hội, nền tảng công nghệ và ưu tiên chính sách. Các nghiên cứu ở Âu - Mỹ chiếm tỉ lệ lớn nhất (40%), tập trung vào các khung chính sách, lý thuyết và thực chứng quy mô lớn, đồng thời triển khai nhiều chương trình giáo dục công dân số và quản lý an toàn trực tuyến (Muls et al., 2020; Goodyear và cộng sự, 2024; Wood và cộng sự, 2023). Khu vực Châu Á chiếm 27%, thể hiện sự đa dạng về chủ đề và phương pháp, từ nghiên cứu ở Ấn Độ về khoảng cách công nghệ (Vemula và cộng sự, 2022), đến phân tích ở Indonesia về tác động hai mặt của Instagram (Fitriani và cộng sự, 2024), cũng như các công trình ở Hàn Quốc và Trung Quốc nhấn mạnh giáo dục công dân số và lớp học mở rộng (Yang et al., 2021; Liu và cộng sự, 2025). Việt Nam nổi bật với 20% công bố trong giai đoạn 2019 - 2025, tập trung vào vấn đề tha hóa đạo đức, lối sống và giải pháp quản lý dựa trên sự phối hợp gia đình - nhà trường - xã hội, gắn với cải cách giáo dục phổ thông (Nguyễn Ngọc Phú, 2023; Nguyễn Thị Ngọc Liên, 2019; Trần Thế Lưu, 2022). Cuối cùng, Châu Phi chiếm 13%,

Phân bố nghiên cứu theo khu vực địa lý (2010-2025)



Hình 3: Phân bố nghiên cứu theo khu vực địa lý

với các nghiên cứu phản ánh bối cảnh đặc thù của các quốc gia đang phát triển, nhấn mạnh nhu cầu xây dựng chính sách cơ bản để định hướng học sinh trong môi trường số (Bolu-Steve và cộng sự, 2022). Nhìn chung, sự phân bố này không chỉ cho thấy chênh lệch về điều kiện phát triển, mà còn phản ánh định hướng quản lý và mức độ quan tâm chính sách khác nhau, qua đó nhấn mạnh vai trò trung tâm của quản lý giáo dục trong việc biến mạng xã hội từ thách thức thành cơ hội cho giáo dục đạo đức và lối sống học sinh phổ thông. Từ biểu đồ và phân tích trên, có thể thấy rằng, phân bố nghiên cứu theo khu vực không chỉ thể hiện mức độ quan tâm của từng quốc gia, mà còn phản ánh sự khác biệt trong cách tiếp cận, ưu tiên và định hướng giáo dục. Đây là cơ sở quan trọng để so sánh, đối chiếu, đồng thời đề xuất các hướng nghiên cứu tiếp theo mang tính liên quốc gia, nhằm xây dựng bức tranh toàn diện hơn về tác động của mạng xã hội đối với giáo dục và quản lý giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

3.3. Các tác động tích cực của mạng xã hội đến giáo dục và quản lý giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông

Một số nghiên cứu khẳng định mạng xã hội có thể tạo môi trường học tập mở, khuyến khích học sinh tự học và chia sẻ thông tin (Astatke và cộng sự, 2023). Các chương trình giáo dục thông qua game trực tuyến hoặc học liệu số đã được chứng minh góp phần phát triển kỹ năng công dân số, nâng cao nhận thức đạo đức (Liu và cộng sự, 2025; Yinka và cộng sự, 2024).

Bảng 1 cho thấy, mạng xã hội nếu được sử dụng đúng cách, có định hướng và nằm trong khuôn khổ quản lý phù hợp sẽ mang lại nhiều lợi ích quan trọng cho giáo dục và quản lý giáo dục đạo đức, lối sống học sinh phổ thông. Trước hết, mạng xã hội hỗ trợ học tập và phát triển kỹ năng số thông qua khả năng cung cấp nguồn tri thức mở, tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận tài liệu đa dạng, tham gia các nhóm học tập trực tuyến, rèn luyện năng lực nghiên cứu độc lập và hợp tác nhóm, từ đó nâng cao thành tích học tập (Astatke và cộng sự, 2023; Yang và cộng sự, 2021). Các trò chơi trực tuyến và học liệu số cũng cho thấy hiệu quả trong việc phát triển năng lực công nghệ thông tin và tư duy phản biện (Liu và cộng sự, 2025). Bên cạnh đó, mạng xã hội còn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành năng lực công dân số và trách nhiệm trực tuyến, bao gồm kỹ năng giao tiếp trên nền tảng số, quản lý hình ảnh cá nhân, ứng xử có trách nhiệm với cộng đồng mạng, đồng thời giúp học sinh thích ứng với môi trường toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0 (Liu và cộng sự, 2025). Mạng xã hội cũng có thể trở thành không gian giáo dục giá trị và đạo đức, nơi học sinh tham gia các diễn đàn, chiến dịch cộng đồng và hoạt động tình nguyện để phát triển tinh thần trách nhiệm, nhân cách và lòng nhân ái. Nghiên cứu của Yinka và cộng sự, (2024) khẳng định khi có định hướng phù hợp, các hoạt động này góp phần bồi dưỡng phẩm chất đạo đức và ý thức xã hội cho học sinh. Ngoài ra, mạng xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho sự phối hợp giữa gia đình – nhà trường – xã hội trong công tác giáo dục, giúp phụ huynh, giáo viên và học sinh trao đổi thông tin nhanh chóng,

Bảng 1: Các tác động tích cực của mạng xã hội đến giáo dục và quản lý giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông

STT	Khía cạnh tác động tích cực	Biểu hiện cụ thể
1	Hỗ trợ học tập và phát triển kỹ năng số	Tiếp cận nguồn tri thức mở, hợp tác nhóm trực tuyến, phát triển khả năng tự học (Astatke và cộng sự, 2023; Yang và cộng sự, 2021).
2	Năng lực công dân số và trách nhiệm trực tuyến	Rèn luyện kỹ năng giao tiếp trực tuyến, hợp tác số, phát triển tư duy phản biện và ý thức công dân số (Liu và cộng sự, 2025).
3	Không gian giáo dục giá trị và đạo đức	Tham gia diễn đàn xã hội, chiến dịch cộng đồng; hình thành tinh thần trách nhiệm và nhân cách (Yinka và cộng sự, 2024).
4	Kết nối gia đình – nhà trường – xã hội	Hỗ trợ trao đổi thông tin phụ huynh – giáo viên – học sinh; tăng hiệu quả phối hợp giáo dục (Nguyễn Thị Ngọc Liên, 2019; Trần Thế Lưu, 2022; Đào Thị Văn Anh, 2010).
5	Ổn định tâm lý, tăng cường cảm giác thuộc cộng đồng	Duy trì kết nối, giảm cô lập xã hội, hỗ trợ tinh thần trong bối cảnh đại dịch (Oanh, 2025; Fitriani và cộng sự, 2024).

kip thời, tăng cường sự phối hợp ba bên trong việc hình thành nhân cách học sinh (Nguyễn Thị Ngọc Liên, 2019; Trần Thế Lưu, 2022; Đào Thị Vân Anh, 2010). Đặc biệt, trong bối cảnh khủng hoảng như đại dịch COVID-19, mạng xã hội đã trở thành công cụ duy trì kết nối, giảm cảm giác cô lập, nâng cao sự tự tin và động lực học tập, đồng thời củng cố cảm giác thuộc về cộng đồng của học sinh (Oanh, 2025; Fitriani và cộng sự, 2024). Có thể khái quát rằng, các tác động tích cực của mạng xã hội tập trung ở năm phương diện chính: Hỗ trợ học tập và phát triển kỹ năng số; bồi dưỡng năng lực công dân số và trách nhiệm trực tuyến; tạo không gian giáo dục giá trị - đạo đức; kết nối gia đình - nhà trường - xã hội và ổn định tâm lý, tăng cường cảm giác thuộc về cộng đồng. Tuy nhiên, điều kiện tiên quyết để những tác động tích cực này phát huy trọn vẹn chính là vai trò quản lý và định hướng phù hợp từ phía nhà trường, gia đình và cơ quan giáo dục.

3.4. Các tác động tiêu cực của mạng xã hội đến giáo dục và quản lý giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông

Nhiều công trình chỉ ra các hệ quả tiêu cực, như gia tăng hành vi lệch chuẩn, giảm tập trung học tập, bạo lực mạng và suy thoái đạo đức (Mensah & Kyei, 2019; Dwistia & Anisak, 2024). Các hiện tượng này không chỉ gây áp lực tâm lý mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành nhân cách học sinh.

Bên cạnh lợi ích, mạng xã hội cũng tiềm ẩn hàng loạt tác động tiêu cực đối với giáo dục và quản lý giáo dục đạo đức, lối sống, đặc biệt trong bối cảnh học sinh phổ thông chưa hoàn thiện về nhận thức và

đễ bị ảnh hưởng bởi môi trường mạng. Trước hết, bạo lực mạng và bắt nạt trực tuyến là hiện tượng nổi bật, trong đó học sinh có nguy cơ trở thành nạn nhân hoặc thủ phạm của các hành vi như lan truyền tin đồn, đăng tải hình ảnh xấu, tấn công bằng ngôn ngữ, gây tổn thương tâm lý, giảm sự tự tin và khả năng hòa nhập xã hội (Jones và cộng sự, 2023; Gaffney và cộng sự, 2019). Tiếp đến, việc sử dụng mạng xã hội quá mức làm suy giảm kết quả học tập và khả năng tập trung, bởi học sinh dễ bị phân tâm, hình thành thói quen trì hoãn và bỏ bê nhiệm vụ học tập quan trọng, trong khi các nội dung trực tuyến ngắn, hấp dẫn lại khiến khả năng kiên nhẫn và tập trung dài hạn bị suy yếu (Mensah & Kyei, 2019; Gabriel Burks et al., 2019). Ngoài ra, mạng xã hội còn làm nảy sinh hiện tượng tha hóa đạo đức và hành vi lệch chuẩn khi học sinh bắt chước các hành vi tiêu cực, suy thoái giá trị truyền thống hoặc rơi vào tình trạng “Moral disengagement” - tức biện minh cho hành vi sai trái bằng cách tách rời khỏi chuẩn mực đạo đức (Nguyễn Ngọc Phú, 2023; Ojiakor-Umenze và cộng sự, 2024). Hệ quả khác không thể bỏ qua là ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tâm thần, bởi áp lực so sánh xã hội và hình ảnh lí tưởng trên mạng dễ khiến học sinh rơi vào trạng thái lo âu, trầm cảm, rối loạn giấc ngủ, làm suy giảm lòng tự trọng và đe dọa sự phát triển bền vững cả về thể chất lẫn tâm lý (Odgers & Jensen, 2020). Bên cạnh đó, lối sống ảo và sự lệ thuộc công nghệ cũng ngày càng phổ biến, khi học sinh xa rời thế giới thực, giảm kỹ năng xã hội, chạy theo giá trị hình thức và dễ bị peer pressure cuốn vào các xu hướng không lành mạnh, thậm chí nguy hiểm

Bảng 2: Các tác động tiêu cực của mạng xã hội đến giáo dục và quản lý giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông

STT	Khía cạnh tác động tiêu cực	Biểu hiện cụ thể
1	Bạo lực mạng và bắt nạt trực tuyến	Gia tăng hiện tượng cyberbullying, gây tổn thương tâm lý, giảm tự tin (Jones et al., 2023; Gaffney và cộng sự, 2019).
2	Suy giảm kết quả học tập và khả năng tập trung	Mất tập trung, kết quả học tập suy giảm, thói quen học tập nghiêm túc bị ảnh hưởng (Mensah & Kyei, 2019; Gabriel Burks và cộng sự, 2019).
3	Tha hóa đạo đức, hành vi lệch chuẩn, suy thoái đạo đức	Bất chước hành vi lệch chuẩn, suy thoái giá trị truyền thống, tách rời chuẩn mực đạo đức (Nguyễn Ngọc Phú, 2023; Ojiakor-Umenze và cộng sự, 2024).
4	Ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tâm thần	Lo âu, trầm cảm, rối loạn giấc ngủ do so sánh xã hội, áp lực từ bạn bè (Odgers & Jensen, 2020).
5	Lối sống ảo, lệ thuộc công nghệ và áp lực đồng trang lứa	Xa rời thế giới thực, giảm kỹ năng xã hội, lệ thuộc vào công nghệ, dễ bị peer pressure (Dwistia & Anisak, 2024).

(Dwistia & Anisak, 2024). Có thể khái quát rằng, các tác động tiêu cực của mạng xã hội đối với học sinh phổ thông tập trung ở năm nhóm chính: bạo lực mạng và bắt nạt trực tuyến; suy giảm kết quả học tập và khả năng tập trung; tha hóa đạo đức và hành vi lệch chuẩn; ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tâm thần; cùng với lối sống ảo, lệ thuộc công nghệ và áp lực đồng trang lứa. Những hệ quả này không chỉ đe dọa sự phát triển cá nhân của học sinh mà còn tạo ra thách thức lớn cho công tác giáo dục và quản lý. Vì vậy, để hạn chế tối đa tác động tiêu cực, cần sự phối hợp đồng bộ giữa gia đình, nhà trường và cơ quan quản lý giáo dục trong việc ban hành chính sách, triển khai chương trình giáo dục công dân số, giám sát nội dung học sinh tiếp cận, đồng thời cung cấp dịch vụ tham vấn tâm lý học đường. Chỉ khi có sự quản lý hiệu quả và định hướng phù hợp, mạng xã hội mới được kiểm soát và sử dụng như một công cụ hỗ trợ tích cực thay vì trở thành mối nguy hại đối với quá trình giáo dục đạo đức, lối sống học sinh phổ thông.

4. Thảo luận

Tổng quan 25 công trình cho thấy bức tranh nhất quán: mạng xã hội vừa là chất xúc tác cho học tập, kỹ năng số và năng lực công dân số vừa là nguồn rủi ro về bạo lực mạng, suy giảm tập trung, tha hóa đạo đức và sức khỏe tâm thần ở học sinh phổ thông. Kết quả củng cố các luận điểm lý thuyết về “tính hai mặt” của công nghệ giáo dục, đồng thời nhấn mạnh vai trò trung tâm của quản lý giáo dục trong việc chuyển hóa lợi ích thành kết quả học tập - đạo đức cụ thể. Về thực tiễn, các hàm ý nổi bật gồm: tích hợp giáo dục công dân số vào chương trình; quy định sử dụng thiết bị và nền tảng số dựa trên bằng chứng; cơ chế phối hợp gia đình - nhà trường - xã hội và dịch vụ tham vấn tâm lý học đường. Sự gia tăng công bố theo thời gian và khác biệt vùng miền gợi ý cần tiếp cận bối cảnh hóa khi ban hành chính sách. Hạn chế của nghiên cứu là phạm vi 25 bài, nguồn dữ liệu chủ yếu Scopus/Scholar và thiên lệch ngôn ngữ. Do đó, nghiên cứu tương lai nên triển khai thiết kế dọc, so sánh liên quốc gia và đánh giá tác động các mô hình quản lý cụ thể.

5. Kết luận

Tổng quan nghiên cứu cho thấy mạng xã hội là một hiện tượng xã hội - công nghệ hai mặt, vừa mở ra nhiều cơ hội phát triển vừa đặt ra thách thức phức tạp đối với giáo dục và quản lý giáo dục đạo đức, lối sống học sinh phổ thông trong bối cảnh toàn cầu

hóa và chuyển đổi số. Ở phương diện tích cực, mạng xã hội được chứng minh là công cụ hỗ trợ học tập, phát triển kỹ năng số, thúc đẩy năng lực công dân số, tạo diễn đàn giáo dục giá trị - đạo đức, gắn kết gia đình - nhà trường - xã hội và góp phần ổn định tâm lý, củng cố cảm giác thuộc cộng đồng. Ngược lại, các nghiên cứu cũng khẳng định những hệ quả tiêu cực như bạo lực mạng, suy giảm kết quả học tập, tha hóa đạo đức, ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần và sự lệ thuộc công nghệ dẫn đến lối sống ảo. Những kết quả này không chỉ bổ sung bằng chứng cho khung lý thuyết về tác động hai mặt của công nghệ số trong giáo dục mà còn đưa ra hàm ý thực tiễn trong việc thiết kế chính sách quản lý mạng xã hội, phát triển giáo dục công dân số và tăng cường cơ chế phối hợp gia đình - nhà trường - xã hội, qua đó khẳng định rằng việc quản lý và định hướng phù hợp sẽ quyết định liệu mạng xã hội trở thành công cụ hỗ trợ hay trở thành nguy cơ đối với sự phát triển nhân cách học sinh.

Tuy vậy, nghiên cứu cũng tồn tại một số hạn chế. Thứ nhất, phạm vi phân tích mới chỉ tập trung vào các công trình công bố trong giai đoạn 2010 - 2025 và giới hạn ở bậc học sinh phổ thông, nên chưa phản ánh đầy đủ bối cảnh thay đổi nhanh chóng của công nghệ số và mạng xã hội trong những năm gần đây. Thứ hai, do đặc thù tổng quan hệ thống, nghiên cứu chủ yếu dựa trên dữ liệu thứ cấp, chưa có sự tham chiếu trực tiếp tới trải nghiệm thực tế của học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Thứ ba, sự khác biệt văn hóa - xã hội giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ chưa được phân tích sâu, dẫn đến hạn chế trong việc so sánh quốc tế và khái quát hóa kết quả. Trong tương lai, các nghiên cứu nên tập trung vào việc đo lường hiệu quả các mô hình quản lý và can thiệp cụ thể, kết hợp cả dữ liệu định tính và định lượng, đồng thời mở rộng so sánh liên quốc gia để nhận diện yếu tố bối cảnh. Ngoài ra, cần quan tâm nhiều hơn đến trải nghiệm trực tiếp của học sinh, phụ huynh và giáo viên để có cái nhìn thực tiễn, từ đó đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ giáo dục số một cách an toàn, hiệu quả và bền vững.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả cảm ơn sự tài trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên thông qua đề tài: “Xây dựng và ứng dụng mô hình giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông tỉnh Thái Nguyên trên môi trường mạng; mã số: ĐT/NV/25/2025.

Tài liệu tham khảo

- Astatke, M., Weng, C. & Chen, S. (2023). A literature review of the effects of social networking sites on secondary school students' academic achievement. *Interactive Learning Environments*, 31(4), 2153–2169. <https://doi.org/10.1080/10494820.2021.1875002>
- Bolu-Steve, F. N., Omotayo, M. O., Adegoke, A. A. & Awoyemi, A. O. (2022). Influence of Social Media on In-school Adolescents' Morals: Implication for School Counsellors. *e-BANGI*, 19(7), 161–170. <https://doi.org/10.17576/ebangi.2022.1907.13>
- Burks, G., Clancy, K. B. H., Hunter, C. D. & Amos, J. R. (2019). Impact of Ethics and Social Awareness Curriculum on the Engineering Identity Formation of High School Girls. *Educ. Sci.*, 9(4), 250. <https://doi.org/10.3390/educsci9040250>
- Đào Thị Vân Anh. (2010). Một số nhận xét về sự tác động của các yếu tố gia đình và xã hội đến quá trình tự rèn luyện tư cách đạo đức của học sinh Trung học Phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, (22), 114–121. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.22.994\(2010](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.22.994(2010)
- Dwistia, H. & Anisak, S. D. (2024). Digital technology and adolescent behavior transformation: the challenges of moral education in schools. *Journal pedagogy*, 17(2), 231–240. <https://doi.org/10.63889/pedagogy.v17i2.240>
- Fitriani, T., Imam, S. I. & Supriadi, N. (2024). The Influence of Using Instagram Social Media on the Morals and Achievement of Students at SMP Negeri 1 Bandar Lampung. *Bulletin of Science Education*, 4(1), 404–417. <https://doi.org/10.51278/bse.v4i1.1312>
- Gaffney, H., Farrington, D. P., Espelage, D. L. & Ttofi, M. M. (2019). Are cyberbullying intervention and prevention programs effective? A systematic and meta-analytical review. *Aggression and Violent Behavior*, 45, 134–153. <https://doi.org/10.1016/j.avb.2018.07.002>
- Gaffney, H., Ttofi, M. M. & Farrington, D. P. (2019). Evaluating the effectiveness of school-bullying prevention programs: An updated meta-analytical review. *Aggression and Violent Behavior*, 45, 111–133. <https://doi.org/10.1016/j.avb.2018.06.009>
- Goodyear, V., Wood, G., Adab, P., Al-Janabi, H., Fenton, S., Jones, K. & Pallan, M. (2024). Secondary school smartphone policies in England: A descriptive analysis of restrictive vs. permissive approaches. *Journal of Research on Technology in Education*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1080/15391523.2024.2363204>
- Jones, S. E., Robinson, S., McCormack, M., King, C. & Dawkins, J. (2023). Reducing cyberbullying among secondary school students: A randomized controlled trial of the Bullying, Internet, and Aggression (BIA) programme. *Contemporary School Psychology*, 27(4), 2469–2480. <https://doi.org/10.1007/s40688-023-00465-5>
- Liu, J., Shadiev, R. & Cao, M. (2025). Effects of a digital-citizenship educational game on teenagers' learning achievement, motivation, cognitive load, and behavioral patterns. *Education and Information Technologies*, 30, 15817–15870. <https://doi.org/10.1007/s10639-025-13399-7>
- Muls, J., Chambonnière, M., Degraeve, E. & De Troyer, O. (2020). Identifying the nature of social media policies in high schools. *Education and Information Technologies*, 25, 3717–3738. <https://doi.org/10.1007/s10639-019-09960-1>
- Nguyễn Ngọc Phú. (2023). Cảnh báo vấn nạn tha hóa đạo đức của học sinh phổ thông hiện nay. *Tạp chí Tâm lý - Giáo dục Việt Nam*, 30(1), 18–25. <https://tamlygiaoduc.com.vn/wp-content/uploads/2024/05/18-25-Nguyen-Ngoc-Phu.pdf>
- Nguyễn Thị Ngọc Liên. (2019). Mối quan hệ gia đình, nhà trường và cộng đồng trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh - phân tích từ lý thuyết của Joyce Epstein. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (16), 67–72. http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/bai_so_12_-_so_16_thang_4_2019.pdf
- Odgers, C. L. & Jensen, M. R. (2020). Annual Research Review: Adolescent mental health in the digital age—Facts, fears, and future directions. *Journal of Child Psychology and Psychiatry*, 61(3), 336–348. <https://doi.org/10.1111/jcpp.13190>
- Ojiakor-Umenze, I., Etodike, C. N. E. N., Uchechukwu, N. E. & Alex, N. (2024). Impact of Social Media and Peer Pressure on Moral Disengagement among Secondary School Students in Onitsha North LGA, Anambra State. *COMMICAST*, 5(1), 119–135. <https://doi.org/10.12928/commicast.v5i1.10153>
- Okpe, N. O. & Jibrin, A. O. (2024). The Influence of Selected Social Media Platforms on the Moral Life of Youths in Anyigba Community. *Journal of Current Research and Studies*, 1(1), 37–48. <https://journalcurrentresearch.com/pub/jcr/article/view/5/4>
- Serinah, I. W. & Setiawina, N. D. (2019). The Effect of Social Media and Lifestyle on Children'S Dropout Rate. *International Journal of Business, Economics*

- and Law, 19(5), 231–241. https://ijbel.com/wp-content/uploads/2019/11/IJBEL19_265.pdf
- Trần Thị Kim Oanh. (2025). Moral education for high school students in the context of the fourth industrial revolution—current situation and solutions. *European Journal of Political Science Studies*, 8(1). <http://dx.doi.org/10.46827/ejps.v8i1.1909>
- Trần Thế Lưu. (2022). Biện pháp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 18(5). <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210504>
- UNESCO. (2015). *Teacher policy development guide: Summary*. UNESCO Publishing.
- Vanderhoven, E., Schellens, T. & Valcke, M. (2014). Educating teens about the risks on social network sites: An intervention study in secondary education. *Comunicar*, 43, 123–131. <https://doi.org/10.3916/C43-2014-12>
- Vemula, M., Lalbiakfeli, L. K. & Riba, J. (2022). The influence of social networks on high school students in mizoram. *Eur. Chem. Bull*, 11(12), 3803–3809. <https://doi.org/10.53555/ecb/2022.11.12.339>
- Wood, G., Goodyear, V., Adab, P., Al-Janabi, H., Fenton, S., Jones, K., Michail, M., Morrison, B., Patterson, P., Sitch, A. J., Wade, M. & Pallan, M. (2023). Smartphones, social media and adolescent mental well-being: The impact of school policies restricting daytime use—Protocol for a natural experimental observational study (SMART Schools Study). *BMJ Open*, 13(7), e075832. <https://doi.org/10.1136/bmjopen-2023-075832>
- Yang, S., Lee, J. W., Kim, H. J., Kang, M., Chong, E. & Kim, E. M. (2021). Can an online educational game contribute to develop information-literate citizens? *Computers & Education*, 161, 104057. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2020.104057>
- Yinka, A. O., Olumide, O. O. & Olatunde, A. O. (2024). Social media interaction and the promotion of character and personalty ethics among social studies education undergraduates. *Journal of Education in Developing Areas*, 32(1), 267–277. <https://journals.journalsplace.org/index.php/JEDA/article/view/521>